

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2018/HNGĐ-ST;
Ngày: 02/4/2018;
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trương Hoàng Hoa**;

2/ Bà **Nguyễn Thị Kim Hằng**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Ngân**, thư ký Tòa án nhân dân huyện X.

Ngày 02 tháng 04 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 628/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2018/QĐXX-ST ngày 20/3/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Trần Thị A** – sinh năm 1987;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Y, Long An.

*** Bị đơn:** **Phan Hoàng B** - sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A có mặt, anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 19/12/2017, nguyên đơn là chị Trần Thị A trình bày:

Chị và anh Phan Hoàng B cưới nhau vào năm 2013 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang ngày 16/12/2016. Cuộc sống chung của vợ chồng chị rất hạnh phúc nhưng đến tháng 01/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp và thường xuyên cự cãi. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 01/2017.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Hoàng B.

Về con chung: Có một con chung, cháu tên Phan Trần Bảo C – sinh ngày 02/5/2014. Hiện tại cháu C đang sống chung với anh B. Khi ly hôn chị đồng ý để anh B tiếp tục nuôi dưỡng cháu C và chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai ngày 14/3/2018, bị đơn anh Phan Hoàng B trình bày: Anh đồng ý ly hôn với chị Trần Thị A. Về con chung: Có một con chung như lời trình bày của chị A. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu C và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Ngoài ra, do bận đi làm nên anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Phan Hoàng B, giải quyết vấn đề con chung của anh chị. Do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Do bận đi làm nên anh B đề nghị được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, Tòa xét thấy: Tại phiên tòa chị A trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp và thường xuyên cự cãi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập anh B nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng anh B vẫn vắng mặt. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 14/03/2018, anh B đồng ý ly hôn với chị A. Ngoài ra, tại đơn xác nhận ngày 20/03/2018, Ủy ban nhân dân xã N1 đã xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân vợ chồng anh chị đúng như lời trình bày của chị A tại phiên tòa. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B.

[4] Về con chung: Cháu Phan Trần Bảo C đang sống ổn định với anh B. Do đó việc chị A để anh B tiếp tục nuôi cháu C là có căn cứ và phù hợp với yêu cầu của anh B nên Tòa án chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị A.

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị A được ly hôn với anh Phan Hoàng B

- Về con chung:

+ Anh Phan Hoàng B được quyền nuôi con chung là cháu Phan Trần Bảo C, sinh ngày 02/5/2014.

+ Chị Trần Thị A có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

2. Án phí: Chị Trần Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 36158 ngày 26/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, như vậy chị A đã thi hành xong.

3. Chị Trần Thị A có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Anh Phan Hoàng B có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã N1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

(đã ký và đóng dấu)

Cao Thị Thu Thủy